

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 495/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quy Nhơn
và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, ranh giới

Phạm vi lập quy hoạch có diện tích khoảng 67.788 ha, bao gồm: Thành phố Quy Nhơn hiện hữu, diện tích khoảng 28.553 ha; huyện Tuy Phước có diện tích khoảng 21.713 ha; hai xã Canh Vinh và Canh Hiến (huyện Vân Canh) có diện tích khoảng 13.676 ha; xã Cát Tiến, Cát Chánh và một phần xã Cát Hải (huyện Phù Cát) có diện tích khoảng 3.847 ha. Ranh giới khu vực quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;
- Phía Tây giáp thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Nam giáp thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

2. Tính chất

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định;
- Là một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ của vùng Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên;
- Là đầu mối giao thông đường thủy, đường bộ quan trọng của vùng Nam Trung Bộ và là cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông;
- Là một trong những địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

3. Mục tiêu phát triển

- Đến năm 2025, thành phố Quy Nhơn trở thành một trong các đô thị trung tâm của vùng duyên hải miền Trung, phát triển theo định hướng công nghiệp - cảng biển - dịch vụ - du lịch;
- Đến năm 2035, là một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia; phát triển theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển;
- Tầm nhìn đến năm 2050: Có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị quốc gia và khu vực Đông Nam Á, là một trong những trung tâm phát triển lớn của khu vực Trung Bộ; có nền kinh tế phát triển theo định hướng du lịch - dịch vụ - cảng biển - công nghiệp, trọng tâm là du lịch - dịch vụ - cảng biển; có sức hút đầu tư lớn và phát triển quan hệ hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch, môi trường, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao...

4. Dự báo phát triển

a) Quy mô dân số:

Đến năm 2025, đạt khoảng 600.000 - 620.000 người, dân số đô thị khoảng 445.000 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 72 - 74%;

Đến năm 2035, đạt khoảng 650.000 - 680.000 người, dân số đô thị khoảng 530.000 người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 78 - 82%.

b) Quy mô đất đai:

Đến năm 2025, đất xây dựng đô thị khoảng 8.295 - 8.500 ha, chỉ tiêu khoảng 186 - 191 m²/người;

Đến năm 2035, đất xây dựng đô thị khoảng 11.250 - 11.500 ha, chỉ tiêu 212 - 217 m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian

a) Mô hình đô thị:

Thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận phát triển theo mô hình đô thị đa trung tâm với hai trung tâm chính là thành phố Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội. Các khu vực đô thị phát triển có cấu trúc mở, liên kết với nhau bằng hệ thống giao thông vùng. Các lưu vực sông Hà Thanh, sông Côn, đầm Thị Nại, vịnh Quy Nhơn, bán đảo Phương Mai, núi Vũng Chùa và vùng nông nghiệp huyện Tuy Phước là bộ khung tự nhiên có vai trò cân bằng trong phát triển đô thị.

b) Định hướng phát triển không gian đô thị

- Thành phố Quy Nhơn:

+ Là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh Bình Định; một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Năm 2025, dự báo dân số khoảng 382.000 - 393.000 người. Đất xây dựng đô thị khoảng 6.000 - 6.100 ha. Năm 2035, dự báo dân số khoảng 451.000 - 486.000 người. Đất xây dựng đô thị khoảng 8.200 - 8.300 ha.

+ Khu vực trung tâm hiện hữu Quy Nhơn:

Hiện đại hóa trung tâm hành chính Tỉnh theo hướng tập trung, cao tầng; chuyển đổi các khu đất giáo dục, y tế, quốc phòng, cơ quan dọc bãi biển trên đường Xuân Diệu, đường An Dương Vương sang đất thương mại và dịch vụ du lịch chất lượng cao. Khu ven biển xây dựng các công trình hỗn hợp có chức năng chủ yếu là dịch vụ du lịch. Xây dựng trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch cao cấp dọc đường Nguyễn Tất Thành.

Khu vực cảng Quy Nhơn: Di dời cảng cá, mở rộng không gian bờ cát, xây dựng điểm dịch vụ du lịch và khu hỗn hợp nhà ở - dịch vụ - thương mại kết nối với khu du lịch Nhơn Hải bằng cáp treo.



Khu vực núi Bà Hòa và lân cận: Xây dựng lâm viên văn hóa và giải trí, xây dựng đô thị mới quanh hồ Phú Hòa.

Khu vực núi Vũng Chùa: Phát triển khu du lịch, đô thị nghỉ dưỡng theo sườn phía Đông hướng ra phía biển.

Xây dựng khu phức hợp đô thị Khoa học - Giáo dục tại Quy Hòa, phường Ghềnh Ráng thành nơi hội tụ các nhà khoa học hàng đầu thế giới và trong nước; các nhà quản lý giáo dục, khoa học Việt Nam. Từng bước đưa Quy Nhơn trở thành điểm đến của khoa học - giáo dục. Giai đoạn dài hạn, định hướng phát triển du lịch Bình Định theo hướng du lịch khoa học lớn trong khu vực và thế giới.

+ Khu vực phát triển mới:

Khu vực phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Nhơn Bình, Nhơn Phú: Hình thành khu đô thị mới tập trung, tiện nghi phục vụ nhu cầu ở đô thị và đáp ứng nhu cầu ở của công nhân lao động tại khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ và phụ cận. Hình thành các trung tâm công cộng cấp vùng về đào tạo, y tế, thể dục thể thao; khai thác cảnh quan hồ Bàu Lát thành công viên đô thị; hình thành trục không gian xanh kết nối các trung tâm công cộng vùng với vùng cảnh quan sông Hà Thanh và núi Vũng Chùa.

+ Khu kinh tế Nhơn Hội: Là động lực phát triển cho thành phố Quy Nhơn, khu vực phụ cận và vùng Nam Trung Bộ, được quản lý xây dựng theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Khu vực phụ cận (huyện Tuy Phước và 2 xã Canh Vinh, Canh Hiền huyện Vân Canh): Phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao, hỗ trợ thành phố Quy Nhơn với các chức năng: Công trình đầu mối hạ tầng đô thị; các trung tâm giao thương, dịch vụ đô thị, nhà ở xã hội... gắn với công nghiệp phụ cho Khu kinh tế Nhơn Hội. Trong đó:

+ Đô thị Diêu Trì: Là đô thị hạt nhân phía Tây thành phố Quy Nhơn, mở rộng không gian đô thị về phía Tây, gắn kết với các khu vực phường Nhơn Bình, Nhơn Phú, Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu của thành phố Quy Nhơn, phát triển mô hình khu đô thị nén. Các chức năng chính là: Đầu mối giao thông, trung tâm giao lưu thương mại - dịch vụ tài chính, ngân hàng, văn phòng giao dịch, đào tạo, y tế chất lượng cao. Đến năm 2035, dân số khoảng 30.000 - 40.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 400 - 600 ha.

+ Đô thị Tuy Phước: Là đô thị huyện lỵ huyện Tuy Phước, phát triển không gian gắn với đô thị Diêu Trì, cung cấp các dịch vụ hành chính, nhà ở, dịch vụ an sinh xã hội, trung tâm hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2035, dân số khoảng 20.000 - 23.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 300 - 400 ha.

+ Phát triển 02 cụm Logistic tại các khu vực cửa ngõ đô thị, gồm:

Cụm phía Bắc - Logistic số 1: Là tiền cảng của cảng Quy Nhơn, đặt tại khu vực cầu Gành, xã Phước Lộc, giao điểm của các trục giao thông quan trọng như đường sắt Bắc Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 19, kết nối Bắc Nam đi Quảng Ngãi và Phú Yên, kết nối Đông Tây đi Pleiku - vùng Tây Nguyên ra biển Đông; gắn kết với tuyến công nghiệp Nam quốc lộ 19. Hình thành điểm dân cư tập trung xã Phước Lộc quy mô khoảng 15.000 - 19.000 người.

Cụm phía Tây Nam - Logistic số 2: Là khu trung chuyển hàng hóa khi tuyến cao tốc Bắc - Nam hình thành, đặt tại xã Canh Vinh, điểm kết nối giữa đường quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc Nam, kết nối với quốc lộ 19C đi Phú Yên và Đắc Lắc. Hình thành điểm dân cư tập trung gắn với trung tâm trung chuyển hàng hóa thuộc xã Canh Vinh quy mô khoảng 9.000 - 10.000 người.

+ Khu dự trữ phát triển: Thuộc các xã Phước An, Phước Thành, Phước Lộc huyện Tuy Phước (phía Tây Nam thành phố Quy Nhơn).

c) Định hướng phát triển nông thôn:

- Phát triển mô hình “nông nghiệp - đô thị”, duy trì hệ sinh thái nông - lâm - ngư nghiệp hiện hữu, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao. Nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Các điểm dân cư nông thôn có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, được tiếp cận nhiều tiện ích đô thị và có khả năng đối phó với biến đổi khí hậu. Dân số nông thôn năm 2025 khoảng 175.000 người, năm 2035 khoảng 150.000 người. Đất xây dựng nông thôn năm 2025 khoảng 3.200 ha, năm 2035 khoảng 2.900 ha.

- Các xã nông thôn thuộc vùng ngập lũ huyện Tuy Phước: Hình thành điểm dân cư nông thôn tập trung quy mô khoảng 5.000 - 6.000 người/01 điểm tại xã Phước Sơn và Phước Hòa cung cấp dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ du lịch sinh thái. Khu dân cư ven đầm Thị Nại, xây dựng mô hình làng du lịch cộng đồng gắn với các trang trại nuôi trồng thủy sản.

- Các xã nông thôn phía Tây Nam thành phố Quy Nhơn (xã Phước An, Phước Thành huyện Tuy Phước và xã Canh Vinh, Canh Hiến huyện Vân Canh): Xây dựng mô hình làng nông thôn gắn với hoạt động kinh tế trang trại, cây công nghiệp, trang trại chăn nuôi, khu chế biến nông lâm sản, khu dịch vụ công nghiệp logistic...

- Đảo Nhơn Châu là xã đảo, phát triển đánh bắt thủy sản, du lịch, là địa bàn có vị trí quan trọng bảo đảm an ninh quốc phòng tuyến biển.



6. Định hướng hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kinh tế

a) Hệ thống trung tâm hành chính, chính trị:

Các cơ quan chính trị - hành chính của tỉnh Bình Định, thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước cơ bản giữ nguyên theo vị trí hiện hữu. Từng bước xây dựng trung tâm hành chính Tỉnh hiện đại, tập trung.

b) Định hướng phát triển công nghiệp:

Khu công nghiệp Nhơn Hội phát triển công nghiệp lọc hóa dầu và các ngành công nghiệp phụ trợ theo định hướng quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hoàn thiện khu công nghiệp Phú Tài khoảng 350 ha, khu công nghiệp Long Mỹ khoảng 110 ha sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, cơ khí phục vụ nông nghiệp... Chuyển đổi cụm công nghiệp Nhơn Bình, cụm tiểu thủ công nghiệp phường Quang Trung và các kho bãi, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong nội thành sang đất dân dụng. Hình thành cụm công nghiệp Bùi Thị Xuân dọc quốc lộ 1A.

c) Định hướng phát triển hệ thống thương mại và dịch vụ:

Khu trung tâm thành phố Quy Nhơn: Nâng cấp các trung tâm tài chính - chứng khoán, thương mại dịch vụ, siêu thị, chợ hiện có theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hình thành các tuyến, trục thương mại - du lịch - dịch vụ cao cấp ven bờ biển Quy Nhơn và các tuyến đường chính đô thị. Xây dựng trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng... trên đường Nguyễn Tất Thành.

Khu kinh tế Nhơn Hội: Phát triển trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp chất lượng cao tại trung tâm khu đô thị mới Nhơn Hội phục vụ công nghiệp lọc hóa dầu - cảng biển Nhơn Hội.

Đô thị Diêu Trì: Xây dựng trung tâm thương mại, tài chính, tín dụng, ngân hàng, gắn với ga tổng hợp Quy Nhơn khoảng 10 - 20 ha.

Đô thị Tuy Phước và các trung tâm xã: Cải tạo và nâng cấp các chợ truyền thống, phát triển mở rộng các chợ đầu mối thu mua nông sản, trung tâm mua sắm - thương mại dịch vụ tổng hợp vừa và nhỏ.

Các khu vực đầu mối giao thông: Hình thành trung tâm dịch vụ, phân phối, trung chuyển hàng hóa tại Phước Lộc và Canh Vinh gắn với cụm Logistic, cảng Quy Nhơn, cảng Nhơn Hội, bến xe Quy Nhơn...

d) Định hướng phát triển dịch vụ du lịch:

Trọng tâm là du lịch biển; du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và du lịch trải nghiệm là các sản phẩm bổ trợ. Tăng cường liên kết du lịch Bình Định - Phú Yên, phát triển Quy Nhơn và phụ cận thành trọng điểm du lịch lớn vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

Phát triển tuyến ven biển Quy Nhơn - Sông Cầu - Tam Quan để khai thác tối đa thế mạnh biển và ven biển, đảo của thành phố Quy Nhơn. Trong đó, trung tâm thành phố Quy Nhơn là khu du lịch trọng điểm của toàn vùng; Phương Mai - Núi Bà là khu du lịch trọng điểm quốc gia.

Ưu tiên xây dựng trung tâm dịch vụ du lịch cao cấp, hiện đại bên vịnh Quy Nhơn. Xây dựng du lịch nghỉ dưỡng cao cấp phục vụ nghiên cứu khoa học - giáo dục tại Quy Hòa, phường Ghềnh Ráng.

Xây dựng vùng du lịch cảnh quan sinh thái trọng điểm đầm Thị Nại, bảo tồn hệ sinh thái đầm và bảo tồn đa dạng sinh học đảo cồn Chim. Phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp, làng nghề gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử và cảnh quan núi, sông, hồ, nông - lâm nghiệp đặc sắc của Tuy Phước, Canh Vinh, Canh Hiến.

Xây dựng tuyến du lịch bằng đường thủy trên vịnh Quy Nhơn, sông Hà Thanh, đầm Thị Nại. Xây dựng các tuyến du lịch gắn với hành lang văn hóa - thiên nhiên theo tuyến Quy Nhơn - An Nhơn - Tây Sơn để khai thác tối đa thế mạnh vùng cảnh quan, di tích từ Đông sang Tây với các điểm du lịch nổi tiếng: Mũi Tân, thành cổ, vùng di tích văn hoá Chăm.

d) Định hướng phát triển hệ thống đào tạo và giáo dục:

Di dời các Trường Cao đẳng nghề Bình Định, Trường dạy nghề lái xe Quân khu 5, Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật và một phần cơ sở Đại học Quy Nhơn từ trung tâm Quy Nhơn ra khu vực Long Vân - Long Mỹ (phường Trần Quang Diệu).

Xây mới khu đại học tập trung quy mô khoảng 70 - 77 ha theo mô hình hiện đại, gồm tổ hợp các công trình về đào tạo - nghiên cứu - ứng dụng. Cơ sở hiện tại của Trường Đại học Quy Nhơn chuyển sang phục vụ đào tạo sau đại học và nghiên cứu. Xây mới trung tâm dạy nghề tại khu kinh tế Nhơn Hội có diện tích khoảng 15 ha.

Xây mới Khu đô thị khoa học - giáo dục Quy Hòa tại phường Ghềnh Ráng.

Hệ thống trường phổ thông và trường mầm non phát triển theo hướng chuẩn quốc gia. Khuyến khích đầu tư xây dựng trường phổ thông đạt tiêu chuẩn chất quốc tế.

e) Định hướng phát triển hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

Giữ nguyên vị trí Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa thành phố Quy Nhơn. Di chuyển Bệnh viện Quân y 13 ra ngoài khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn để chuyển đổi chức năng sử dụng đất sang đất dân dụng; xây dựng mới bệnh viện quy mô 40 ha tại phường Trần Quang Diệu, là tổ hợp dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao và nghiên cứu khoa học ngành y.



Di dời cơ sở điều trị bệnh phong ra khỏi khu vực Quy Hòa, xây dựng mới cơ sở chữa trị bệnh phong tại khu vực phía Tây thành phố quy mô 18 - 20 ha.

Nâng cấp cơ sở vật chất và trang bị khám chữa bệnh đối với các bệnh viện của Trung ương và của Tỉnh để phục vụ khám chữa trị cho nhân dân các địa phương trong vùng như: Bệnh viện sốt rét và ký sinh trùng, Bệnh viện chấn thương, chỉnh hình, Bệnh viện da liễu Trung ương, Bệnh viện mắt của Tỉnh; xây dựng mới Bệnh viện sản - nhi, Bệnh viện bệnh phổi, Bệnh viện lão khoa...

Hoàn chỉnh mạng lưới công trình y tế theo tầng bậc ở khu vực đô thị và các điểm dân cư nông thôn.

g) Định hướng phát triển công trình văn hóa:

Cải tạo chỉnh trang các trung tâm văn hóa hiện hữu trong khu trung tâm thành phố Quy Nhơn. Xây dựng mới bảo tàng tổng hợp tại vị trí Nhà Văn hóa lao động tỉnh; bố trí Nhà Văn hóa lao động mới tại khu đô thị hồ Phú Hòa; xây dựng bảo tàng văn hóa Chăm. Xây dựng Trung tâm hội nghị Tỉnh trên trục đường Nguyễn Tất Thành. Thiết lập hệ thống quảng trường văn hóa, không gian giao lưu cộng đồng, các không gian đi bộ gắn kết với các khu công viên, cây xanh, không gian công cộng thành phố.

h) Định hướng phát triển công viên cây xanh, công trình thể dục thể thao:

Nâng cấp các sân vận động hiện có phục vụ cấp khu vực. Xây dựng mới khu liên hợp thể dục thể thao tại phường Bùi Thị Xuân, khu thể dục thể thao trong nhà tại khu vực hồ Phú Hòa... Mở rộng quảng trường Chiến Thắng trên đường Xuân Diệu.

Chỉnh trang các khu công viên cây xanh hiện hữu trong trung tâm thành phố Quy Nhơn. Nâng cấp cải tạo hệ thống công viên ven biển. Xây dựng mới các công viên chuyên đề phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, tham quan du lịch bao gồm: Công viên - lâm viên núi Bà Hỏa; công viên hồ Phú Hòa; công viên vui chơi, giải trí hồ Bàu Lát; công viên Điều Trị; công viên đô thị mới Nhơn Hội; công viên sinh thái dọc các nhánh sông Hà Thanh và sông Côn; dải cây xanh ven đường Quy Nhơn - cầu Thị Nại. Bố trí các khu cây xanh, vườn hoa trong đô thị.

7. Thiết kế đô thị

a) Định hướng thiết kế đô thị tổng thể:

Xây dựng thương hiệu “đô thị biển Quy Nhơn”, thành phố hấp dẫn khách du lịch với cảnh quan thiên nhiên phong phú, mang đậm dấu ấn lịch sử và bản sắc văn hóa; có môi trường sống, học tập, đầu tư chất lượng cao.

Khu trung tâm hiện hữu Quy Nhơn, trung tâm động lực mới Diêu Trì - Trần Quang Khải, khu đô thị Nhơn Hội xây dựng mô hình đô thị nén, mật độ xây dựng cao. Các khu dân cư, các công trình chức năng nằm trong vùng ngập lũ đồng bằng Tuy Phước, dọc sông Côn và sông Hà Thanh xây dựng mô hình sinh thái mật độ thấp. Công trình cao tầng bố trí đan xen tại các trung tâm đô thị, các tuyến đường chính đô thị, dải ven biển Quy Nhơn.

Xây dựng cảnh quan các tuyến đường chính đô thị, như tuyến Xuân Diệu - An Dương Vương, đường Nguyễn Tất Thành, Ngô Mây, Trần Hưng Đạo; các tuyến quốc lộ, đường tỉnh..., công trình kiến trúc điểm nhấn tại các khu trung tâm và khu vực cửa ngõ đô thị.

b) Hướng dẫn thiết kế đô thị các khu vực trọng điểm

- Trung tâm biển Quy Nhơn: Chính trang tạo diện mạo không gian cảnh quan mới dọc bờ biển Quy Nhơn. Kiến trúc trung tâm du lịch, dịch vụ thương mại, giải trí, quảng trường công cộng, công viên... gắn với văn hóa bản địa, hài hòa với biển Quy Nhơn. Tăng thêm không gian sinh hoạt cộng đồng. Tổ chức các công trình điểm nhấn xung quanh các quảng trường đô thị và không gian mở, tạo lập các tuyến đi bộ và không gian sinh hoạt cộng đồng hướng ra bờ biển. Trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch cao cấp Nguyễn Tất Thành liên kết các chức năng công cộng chính của thành phố hài hòa với không gian biển.

Khu vực núi Bà Hòa và lân cận, trồng rừng cảnh quan, hình thành tuyến đi bộ ngắm cảnh, khai thác hiệu quả tầm nhìn từ núi hướng ra vịnh Quy Nhơn.

- Trung tâm động lực mới (đô thị Diêu Trì và các phường Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân): Xây dựng trung tâm giao thương hiện đại cửa ngõ thành phố Quy Nhơn tại thị trấn Diêu Trì. Xây dựng công viên ven sông Hà Thanh là biểu tượng phát triển thành phố Quy Nhơn; đảm bảo hành lang thoát lũ.

- Đô thị Tuy Phước: Xây dựng theo mô hình đô thị sinh thái, tăng mật độ cây xanh và mặt nước, hài hòa với vùng ngập lũ Tuy Phước.

- Khu vực phường Nhơn Bình, Nhơn Phú: Xây dựng khu dân cư theo hướng đô thị xanh, mật độ thấp, tăng năng lực thoát nước trên các nhánh sông Hà Thanh như: Sông Trường Úc, sông Ngang, sông Cát, sông Dinh và sông Cây Me. Hình thành mới các trung tâm dịch vụ đô thị về văn hóa, giải trí, có kiến trúc cảnh quan phù hợp với khung cảnh thiên nhiên.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường và hệ sinh thái đầm Thị Nại, đảo cồn Chim. Kiểm soát phát triển dân cư, khai thác nuôi trồng thủy sản và các vùng sinh thái cửa sông nối với đầm. Tạo lập vành đai xanh ngăn cách với khu kinh tế Nhơn Hội, phục hồi rừng ngập mặn gắn với hoạt động nuôi trồng thủy sản. Xây dựng hệ thống các điểm dịch vụ sinh thái, bến thuyền nhỏ gắn với làng du lịch cộng đồng ven đầm Thị Nại.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường

a) Định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

Tuyến cao tốc Bắc – Nam, đường tuần tra ven biển, hầm đường bộ qua đèo Cù Mông (thực hiện theo quy hoạch, dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt).

Nâng cấp quốc lộ 1A, 1D, 19B, 19C lên tiêu chuẩn đường chính đô thị đoạn qua thành phố Quy Nhơn.

Hoàn thiện dự án tuyến đường quốc lộ 19 kết nối khu kinh tế Nhơn Hội, cảng Quy Nhơn đi quốc lộ 1A.

Xây dựng mới đường tránh quốc lộ 1A đạt tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng.

+ Đường sắt: Dành quỹ đất dự trữ tạo hành lang xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam trong tương lai.

+ Nâng cấp, mở rộng ga Diêu Trì trở thành trung tâm vận chuyển hành khách đa phương tiện khi tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam hình thành.

+ Hàng không: Sân bay Phù Cát được nâng cấp theo quy hoạch ngành được phê duyệt.

+ Đường thủy: Thực hiện theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2030. Xây dựng mới cảng Nhơn Hội là cảng chuyên dùng, phục vụ trực tiếp cơ sở công nghiệp, dịch vụ có quy mô lớn. Cảng cá Thị Nại di dời đến đầm Đê Gi kết hợp với nơi tránh trú bão cho tàu cá.

Hình thành các bến thuyền du lịch ven đầm Thị Nại, phát triển các tuyến du lịch nội địa và quốc tế.

+ Các đầu mối phát triển Logistic (khu vực tiền cảng): Xây dựng 2 khu vực phát triển Logistic gắn với các đầu mối giao thông quan trọng. Khu vực 1 là đầu mối giao quốc lộ 1A và quốc lộ 19 tại cầu Gành, xã Phước Lộc. Khu vực 2 tại nút giao quốc lộ 19C với đường bộ cao tốc Bắc Nam tại xã Canh Vinh.

- Giao thông đô thị:

+ Khu kinh tế Nhơn Hội: Giữ nguyên cấu trúc hệ thống giao thông đô thị.

+ Khu vực thành phố Quy Nhơn: Xây dựng và quản lý xây dựng hai bên tuyến đường dọc 2 bên sông Hà Thanh nhằm giảm thiểu việc ngăn cản dòng chảy, tạo hành lang an toàn thoát lũ.

+ Giao thông chính đô thị: Hình thành tuyến trục chính Điện Biên Phủ kết nối đường Trần Hưng Đạo với quốc lộ 1D. Cải tạo và xây mới các tuyến liên khu vực. Kết nối quốc lộ 19C đi qua Long Mỹ - Bùi Thị Xuân vào trung tâm thành phố bằng tuyến đường hầm qua núi Vũng Chua. Kết nối khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn với Khu đô thị khoa học - giáo dục Quy Hòa bằng tuyến đường hầm qua đèo Quy Hòa. Xây dựng mới các tuyến chính khu vực, kết nối các khu chức năng trong thành phố, quy mô mặt cắt ngang từ 24 - 28 m. Các tuyến đường khu vực xây dựng mới có quy mô từ 15 - 20 m. Các tuyến giao thông theo hướng Bắc Nam qua hành lang thoát lũ đều phải xây dựng cầu cạn vượt lũ, khẩu độ tính toán bảo đảm tần suất thoát lũ $P = 1\%$.

+ Xây dựng mới cầu Thị Nại 2 quy mô 4 làn xe song song với cầu Thị Nại 1 hiện hữu. Xây dựng cầu Thị Nại 3 quy mô 4 làn xe kết nối Khu kinh tế Nhơn Hội với trung tâm xã Phước Sơn ra quốc lộ 1A. Xây dựng cầu Thị Nại 4, quy mô 4 làn xe từ Khu kinh tế Nhơn Hội kết nối với xã Phước Hòa và thị xã An Nhơn.

+ Hệ thống bến xe, bãi đỗ xe: Duy trì bến xe hiện hữu với quy mô 4,3 ha. Xây dựng mới hai bến xe khách tại khu vực ga Diêu Trì và tại Khu kinh tế Nhơn Hội, quy mô từ 3 - 5 ha/mỗi bến.

Hình thành 5 bến xe tải: Bến thứ 1 tại điểm Logistic Canh Vinh; bến thứ 2 tại khu công nghiệp Phú Tài; bến thứ 3 dùng chung với bến xe khách gần ga Diêu Trì; bến thứ 4 tại điểm Logistic Phước Lộc; bến thứ 5 dùng chung với bến xe khách tại khu kinh tế Nhơn Hội. Quy mô mỗi bến từ 3 - 5 ha.

+ Giao thông công cộng: Phát triển hệ thống giao thông xe buýt hiện có kết hợp tuyến xe buýt nhanh BRT kết nối các khu Logistic, khu phát triển mới với trung tâm thành phố và khu đô thị mới Nhơn Hội.

- Giao thông nông thôn:

Nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT636A, ĐT636B, ĐT640 đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng. Riêng đối với đường tỉnh ĐT640 xây dựng hệ thống cầu cạn vượt lũ cho các khu vực được xác định là hành lang thoát lũ.

Nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có lên tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

b) Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Định hướng quy hoạch thoát nước và phòng chống lũ:

+ Xây dựng tuyến Đê Đông ven theo Đầm Thị Nại theo dự án nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn. Cao trình đê từ 2,40 m - 4,33 m.

+ Xây dựng hệ thống tuyến đê chống ngập lụt thành phố Quy Nhơn thuộc phường Nhơn Bình, Nhơn Phú ứng với tần suất $P = 5\%$ với lũ chính vụ. Các vùng sản xuất chống lũ sớm, muộn, tiểu mãn $P = 10\%$.

+ Xây dựng kè, cải tạo và nạo vét lòng sông Hà Thanh, sông Ngang, sông Cây Me, sông Cát, sông Trường Úc và quy hoạch hành lang tràn lũ hai bên sông gắn với hệ thống đê.

+ Các khu vực dân cư nằm trong vùng hạ lưu sông Côn, hạn chế tôn nền và khuyến khích xây dựng nhà kiên cố có sàn bê tông cao hơn lũ để ứng phó khi có lũ xảy ra.

- Định hướng quy hoạch cao độ nền:

+ Hạn chế xây dựng đô thị tại khu vực vùng trũng thấp và nằm trong vùng ngập lũ trên sông Côn và sông Hà Thanh.

+ Khu kinh tế Nhơn Hội: Thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế.

+ Thành phố Quy Nhơn: Khu trung tâm Quy Nhơn giữ nguyên cao độ xây dựng $H_{xd} \geq 3,0$ m. Khu vực Nhơn Bình, Nhơn phú, cao độ xây dựng $H_{xd} \geq 3,0$ m.

+ Đô thị Diêu Trì: Cao độ $H_{xd} \geq 6,0$ m. Đô thị Tuy Phước: Cao độ $H_{xd} \geq 4,7$ m.

+ Khu đô thị Long Vân - Long Mỹ, cao độ xây dựng $H_{xd} \geq 5,6$ m.

+ Khu logistic: Khu số 1 tại xã Phước Lộc, cao độ xây dựng $H_{xd} \geq 5,0$ m. Khu số 2 tại khu xã Canh Vinh, cao độ xây dựng $H_{xd} \geq 20$ m.

+ Khu dân cư nông thôn: Cao độ xây dựng mới phải phù hợp với cao độ dân cư hiện trạng của từng khu vực, hạn chế tối đa tôn nền đối với vùng ngập lũ ở hạ lưu sông Côn và sông Hà Thanh.

- Định hướng quy hoạch thoát nước mưa:

Khu vực trung tâm cũ thành phố sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng và khu vực xây mới sử dụng thoát nước riêng. Khu kinh tế Nhơn Hội sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Các đô thị cũ Tuy Phước và Diêu Trì sử dụng thoát nước nửa riêng và khu vực xây dựng mới sử dụng thoát nước riêng. Khu vực Logistic sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Các khu vực nông thôn, sử dụng thoát nước chung. Hình thành 5 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực sông Côn, thoát nước cho toàn bộ đô thị Tuy Phước và các khu dân cư các xã thuộc huyện Tuy Phước. Hướng thoát nước từ Tây Bắc xuống Đông Nam.



+ Lưu vực sông Hà Thanh, thoát nước cho toàn Khu vực 2 xã Canh Vinh, Canh Hiến huyện Vân Canh, đô thị Diêu Trì. Hướng thoát nước về phía sông Hà Thanh.

+ Lưu vực khu Kinh tế Nhơn Hội, thoát nước cho toàn khu kinh tế và một phần phía Bắc huyện Phù Cát. Thoát nước về phía Biển và Đầm Thị Nại.

+ Lưu vực sông Ngang, sông Trường Úc thực hiện theo dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

+ Lưu vực thành phố Quy Nhơn hiện hữu, hoàn thiện mạng lưới thoát nước theo dự án thoát nước thành phố đã được duyệt. Cải tạo, nâng cấp các tuyến cống hiện có để tăng cường thoát nước mặt.

c) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Dự báo nhu cầu:

Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025 khoảng 315.000 m³/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 408.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp nước và công trình đầu mối:

Sử dụng nguồn nước ngầm hiện đang khai thác ven sông Hà Thanh, sông Tân An. Bổ sung nguồn nước mặt từ hồ Định Bình và hồ Núi Một.

Tiếp tục sử dụng nhà máy nước Phú Tài công suất 25.000 m³/ngày đêm, xây dựng mới nhà máy nước Hà Thanh công suất 29.300 m³/ngày đêm và nhà máy nước Nhơn Bình 120.000 m³/ngày đêm.

Xây dựng mới trạm bơm nước thô tại đập Văn Mới, công suất 220.000 m³/ngày đêm.

Nâng cấp nhà máy nước đô thị Tuy Phước công suất 4.000 m³/ngày đêm.

Khu dân cư xã Canh Hiến sử dụng nhà máy nước Vân Canh hiện có, khu dân cư xã đảo Nhơn Châu sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm công suất 400 m³/ngày đêm.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

Tổng nhu cầu sử dụng điện năng đến năm 2025 khoảng 732 MW, đến năm 2035 khoảng 1039 MW.

- Nguồn cấp điện và công trình đầu mối: Sử dụng nguồn điện trực tiếp từ hệ thống điện quốc gia, thông qua việc nâng cấp trạm nguồn 220 kV Quy Nhơn và xây mới trạm 220 kV Nhơn Hội. Tiếp tục khai thác tiềm năng năng lượng gió trên bán đảo Phương Mai.

Xây mới tuyến 220 kV Quy Nhơn - Nhơn Hội, Quy Nhơn - Quảng Ngãi và theo mạch 2 tuyến Quy Nhơn - Phú Yên để hoàn thiện kết cấu lưới.

Cải tạo nâng cấp trạm 110 kV An Nhơn, Quy Nhơn, Phước Sơn, Quy Nhơn 2, Long Mỹ và trạm 110 kV Nhơn Hội. Xây mới trạm 110 kV Đông Đa, Nhơn Hội 2 và trạm 110 kV Nhơn Hội 3. Hoàn thiện kết cấu lưới 110 kV cấp điện cho các trạm 110 kV.

- Mạng lưới cấp điện và chiếu sáng đô thị: Cải tạo mạng lưới trung thế về cấp điện áp chuẩn 22 kV. Tại khu trung tâm thành phố, khu đô thị mới hạ ngầm; khu vực công nghiệp, ngoại thị, nông thôn sử dụng cáp bọc nổi trên cột bê tông ly tâm. Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị theo tiêu chuẩn quy định. Tỷ lệ 100% đường đô thị và trên 90% đường ngõ xóm được chiếu sáng hiệu suất cao.

đ) Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc:

Tổng nhu cầu thuê bao điện thoại đến năm 2025 khoảng 620.000 lines, đến năm 2035 khoảng 680.000 lines; đến năm 2035, tổng số trạm cải tạo và xây mới là 68 trạm.

e) Định hướng quy hoạch thoát nước thải:

Tỷ lệ thu gom nước thải đối với đô thị đạt 95%, nông thôn đạt 85%, công nghiệp đạt 100%. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2025 là 84.000 m³/ngày, đến năm 2035 là 103.000 m³/ngày. Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp năm 2025 là 197.000 m³/ngày, đến năm 2035 là 230.000 m³/ngày.

Khu đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Khu đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Khu dân cư nông thôn tập trung sử dụng hệ thống thoát nước chung. Khu công nghiệp, y tế sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

Xây dựng các trạm xử lý nước thải sinh hoạt: Trạm xử lý số 1 công suất 31.000 m³/ngày (năm 2025) - 49.000 m³/ngày (năm 2035) và trạm xử lý số 2 công suất 4.500 m³/ngày (năm 2025) - 10.000 m³/ngày (năm 2035) phục vụ khu trung tâm thành phố Quy Nhơn. Trạm xử lý số 3 công suất 3.100 m³/ngày (năm 2025) - 6.800 m³/ngày (năm 2035) phục vụ khu đô thị Nhơn Hội; Trạm xử lý số 4 công suất 1.500 m³/ngày (năm 2025) - công suất 2.500 m³/ngày (năm 2035) phục vụ đô thị Tuy Phước; Trạm xử lý số 5 công suất 2.100 m³/ngày (năm 2025) - công suất 3.800 m³/ngày (năm 2035) phục vụ đô thị Diêu Trì. Trạm xử lý số 6 công suất 1.000 m³/ngày (năm 2025) - công suất 4.800 m³/ngày (năm 2035) phục vụ khu đô thị Cát Tiên.

Xây dựng các trạm xử lý nước thải công nghiệp: Trạm xử lý khu công nghiệp Phú Tài 2 công suất 7.400 m³/ngày; Trạm xử lý khu công nghiệp Long Mỹ công suất 2.400 m³/ngày; Trạm xử lý Logistic 1 công suất 8.500 m³/ngày tại xã Phước Lộc; Trạm xử lý Logistic 2 công suất 8.000 m³/ngày tại xã Canh Vinh; Trạm xử lý khu công nghiệp lọc hóa dầu Nhơn Hội công suất 170.000 m³/ngày.

g) Định hướng quy hoạch khu vực xử lý chất thải rắn (CTR):

Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị đạt 90 - 100%, vùng nông thôn đạt trên 85%, thu gom CTR công nghiệp đạt 100%. Đến năm 2025, dự báo khối lượng CTR sinh hoạt là 822 tấn/ngày, đến năm 2035 là 927 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp đến năm 2025 là 556 tấn/ngày, đến năm 2035 là 827 tấn/ngày.

Xây dựng khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ tại xã Phước Mỹ công suất khoảng 800 tấn/ngày. Xây mới khu xử lý chất thải rắn tại xã Cát Nhơn huyện Phù Cát, công suất khoảng 1500 tấn/ngày.

h) Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

Triển khai dự án xây dựng nghĩa trang tập trung tại phường Bùi Thị Xuân gần đèo Cù Mông, quy mô khoảng 68 ha phục vụ chôn cất và hỏa táng của thành phố Quy Nhơn. Xây dựng mới nghĩa trang tập trung tại Long Mỹ, quy mô khoảng 30 ha, phục vụ chôn cất cán bộ cao cấp và nhân dân thành phố Quy Nhơn. Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Phước Lộc, quy mô khoảng 20 ha, phục vụ chôn cất của huyện Tuy Phước. Xây dựng mới nghĩa trang tại xã Cát Nhơn và Cát Hưng, huyện Phù Cát, quy mô 45 ha, phục vụ chôn cất và hỏa táng của Khu kinh tế Nhơn Hội.

Đối với nghĩa trang khu vực Bùi Thị Xuân không mở rộng quy mô, chỉ cho phép chôn cất đến khi lấp đầy, từng bước khoanh vùng cải tạo thành nghĩa trang công viên. Chuyển đổi quỹ đất nghĩa trang lân cận tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ thành phố Quy Nhơn, nghĩa trang Hóc Bà Bép thành đất công viên cây xanh. Di dời các nghĩa trang phân tán trong đô thị về nghĩa trang tập trung.

Xây dựng 02 nhà tang lễ phục vụ thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận gồm: 01 nhà tang lễ tại khu vực nghĩa trang Phật Giáo, phường Quang Trung và 01 nhà tang lễ phía Tây núi Vũng Chùa. Quy mô 10.000 m²/nhà tang lễ.

Khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng, đến năm 2025 đạt tỷ lệ 10%, đến năm 2035 đạt tỷ lệ 20%.

i) Đánh giá môi trường chiến lược: Thành phố Quy Nhơn và phụ cận được phân khu bảo vệ như sau:

- Khu kinh tế Nhơn Hội: Trồng rừng phòng hộ ven biển. Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường khi dự án lọc dầu hình thành.

- Khu vực đầm Thị Nại: Tăng cường trồng lại rừng ngập mặn, chăm sóc bảo dưỡng rừng trồng trên đất úng chua phèn, thực hiện các giải pháp làm giàu rừng ngập mặn với đa dạng các loài thực vật, động vật thủy sinh, các loài chim; nghiêm cấm việc phá rừng ngập mặn làm ao nuôi tôm, cá, nuôi trồng thủy sản; kiểm soát nguồn nước thải.

- Khu vực vùng đồng bằng huyện Tuy Phước, các phường Nhơn Bình, Nhơn Phú: Duy trì vùng sinh thái nông nghiệp; cải thiện và kiểm soát thoát nước hạ lưu sông Hà Thanh và sông Côn nhằm bảo vệ hành lang thoát lũ; kiểm soát phát triển các khu dân cư mới trong vùng ngập sông Hà Thanh và sông Côn.

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì hệ thống cây xanh cảnh quan. Khu công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; đảm bảo khoảng cách ly giữa các cụm nhà máy nhằm hạn chế lan truyền ô nhiễm; kiểm soát nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Khu vực đồi núi: Trồng và tái sinh rừng, khôi phục các loài cây bản địa có sức sống tốt, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đóng góp có hiệu quả cho phòng hộ đầu nguồn, giảm nhẹ thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước.

- Khu vực nông nghiệp: Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; áp dụng quy trình sản xuất sạch trong nông nghiệp và chăn nuôi; thu gom chất thải rắn đối với khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; xây dựng nhà ở, công trình theo mô hình phòng chống bão, nhà tránh trú bão cộng đồng; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven biển, ven đê, ven sông và hệ thống đê biển phù hợp.

9. Chương trình chiến lược và dự án ưu tiên đầu tư

a) Chương trình chiến lược:

- Chương trình xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận.

- Tái cấu trúc khu trung tâm Quy Nhơn.

- Phát triển trung tâm động lực mới Diêu Trì, Trần Quang Diệu.

- Phát triển các trung tâm dịch vụ khu logistic - tiền cảng tại Phước Lộc, Canh Vinh.

- Xây dựng mô hình “Nông nghiệp - đô thị”.

- Đầu tư và phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội.
- Chiến lược quảng bá hình ảnh đô thị “Hành lang văn hóa - thiên nhiên”.
- Phát triển đô thị Khoa học - Giáo dục Quy Hòa, phường Ghềnh Ráng.

b) Dự án ưu tiên

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật chính:

+ Hạ tầng kỹ thuật:

Nâng cấp cảng Quy Nhơn và sân bay Phù Cát. Nâng cấp quốc lộ 19C, quốc lộ 19B nối sân bay Phù Cát với Khu kinh tế Nhơn Hội, đường tỉnh ĐT640. Xây dựng mới cầu Thị Nại 2, đường chính phía Bắc và phía Nam Quy Nhơn.

Khởi thông dòng chảy các tuyến sông trên hệ thống sông Côn và sông Hà Thanh, tuyến đê kèp tại khu phát triển mới.

Xây dựng mới nhà máy nước Hà Thanh công suất 30.000 m³/ngày đêm, Nhơn Hội công suất 20.000 m³/ngày đêm và Nhơn Bình công suất 60.000 m³/ngày đêm. Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tuy Phước lên công suất 3.000 m³/ngày đêm và trạm tăng áp Long Mỹ lên công suất 4.000 m³/ngày đêm. Xây dựng mới trạm bơm nước thô tại đập Văn Mối cấp cho Khu kinh tế Nhơn Hội công suất 190.000 m³/ngày đêm. Lắp đặt mạng lưới cấp nước sạch cho khu vực dự kiến phát triển giai đoạn đầu và mạng lưới cấp nước thô cho khu lọc hóa dầu.

Xây dựng mới trạm 220 kV Nhơn Hội công suất 250 MVA và trạm 110 kV Đổng Đa công suất 63 MVA. Xây dựng mới tuyến 220kV Phú Tài - Nhơn Hội. Cải tạo hạ ngầm mạng lưới trung thế tại trung tâm thành phố Quy Nhơn.

Xây dựng trạm xử lý nước thải số 1 công suất 31.000 m³/ngày, trạm xử lý nước thải số 2 công suất 4.200 m³/ngày phục vụ khu trung tâm thành phố Quy Nhơn. Xây dựng nghĩa trang quy mô 68 ha tại phường Bùi Thị Xuân.

+ Hạ tầng kinh tế:

Xây dựng hạ tầng khung cho dự án lọc hóa dầu tại khu kinh tế Nhơn Hội. Xây dựng mới khu Logistic số 1 và ga hàng hóa tại xã Phước Lộc.

Xây dựng khu du lịch Hải Giang, khu du lịch Vĩnh Hội. Quy hoạch du lịch sinh thái khu vực đầm Thị Nại. Quy hoạch hệ thống mạng lưới di tích văn hóa ChămPa gắn với bảo tồn và phát triển du lịch.

Xây dựng hoàn thiện khu trung tâm dịch vụ thương mại gắn với phát triển du lịch trên trục đường Nguyễn Tất Thành. Xây dựng trung tâm thương mại tại các khu đô thị mới.

+ Hạ tầng xã hội:

Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm đào tạo - y tế chất lượng cao tại Long Vân - Long Mỹ.

Xây dựng nhà văn hóa lao động, bảo tàng tổng hợp và bảo tàng văn hóa Chăm. Xây dựng mới khu liên hợp thể dục thể thao tại Long Vân - Long Mỹ.

Hoàn thiện quảng trường trung tâm thành phố. Nâng cấp và xây mới các công viên: Công viên ven biển, công viên hồ Phú Hòa, công viên núi Bà Hỏa, công viên hồ Bầu Lác.

+ Phát triển đô thị và nông thôn:

Chuẩn bị kế hoạch di dời các cơ sở có chức năng không phù hợp từ trung tâm Quy Nhơn ra bên ngoài.

Xây dựng các khu đô thị Long Vân - Long Mỹ, hồ Phú Hòa, Nhơn Hội và Quy Hòa.

Xây dựng 02 khu dân cư tập trung Phước Hòa, Phước Sơn. Triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới tại các xã.

- Giai đoạn đến năm 2035: Chinh trang đô thị, phát triển du lịch và dịch vụ

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung giai đoạn đến năm 2025, xây dựng tuyến cao tốc Bắc Nam. Xây mới khu logistic số 2 và ga hàng hóa tại xã Canh Vinh. Tái thiết bộ mặt đô thị ven biển, trung tâm dịch vụ du lịch chất lượng cao. Chuẩn bị cơ sở hạ tầng xây dựng trung tâm mới tại Diêu Trì.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định; ban hành Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Lập chương trình phát triển đô thị, hồ sơ khu vực phát triển đô thị, lập các quy hoạch đô thị tiếp theo để cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

- Các Bộ, ngành Trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thực hiện Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

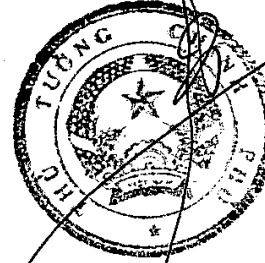
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, V.III, KGVX, HC;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).^{xh} 41

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải

www.LuatVietnam.vn